

Số: 1550/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/8/2016 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG ngày 26/02/2018 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực độ ngũ giảng viên, cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các đơn vị trực thuộc, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu VT; SĐH.



**QUY ĐỊNH**  
**TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ THEO ĐỀ ÁN 89**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KHTN ngày tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định chi tiết công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89 tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên căn cứ theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM (dưới đây gọi là Quy chế 166) và Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT, ngày 80/9/2021 (dưới đây gọi là Thông tư 25)

2. Quy định này áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89 từ năm 2022 và do trường Đại học Khoa học Tự nhiên cấp bằng tiến sĩ.

3. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài và do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

4. Các nội dung không nêu trong Quy định này sẽ áp dụng theo Quy chế 166 của ĐHQG-HCM, Thông tư 25 của Bộ GDĐT, Quy định tuyển sinh trình độ tiến sĩ và Quy trình xét tuyển trình độ tiến sĩ hiện hành của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (trường ĐH KHTN)

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Đơn vị chuyên môn*: là Đơn vị phụ trách ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. *Trưởng đơn vị chuyên môn*: là Người phụ trách ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. *Cơ sở cử đi học*: là cơ sở giáo dục đại học trong nước (không bao gồm những cơ sở giáo dục đại học tự thực có vốn đầu tư nước ngoài) có nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên ở trình độ tiến sĩ.

**Điều 3. Tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ**

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo. Đối với cán bộ hướng dẫn thực hành hoặc trợ giảng các học phần thuộc các ngành đặc thù có bằng thạc sĩ phải được thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, đề nghị và trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 1 năm trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 2 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 1 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 1 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

3. Trách nhiệm và quyền của giảng viên thực hiện theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định sau:

a) Đảm bảo tuân thủ kế hoạch giảng dạy đã công bố;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

#### **Điều 4. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Tiêu chuẩn chung của người hướng dẫn:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; trường hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn nghiên cứu sinh với cơ sở đào tạo (CSĐT);

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau: (i) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 12 tháng trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ; (ii) Trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 2 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 1 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 1 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

2. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn độc lập, người hướng dẫn chính, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định khoản 1 Điều này;

b) Trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, có kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn: là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành, hoặc bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN, ISSN; các công bố phải đạt tổng điểm từ

4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

c) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 1 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 1 hoặc 2 người hướng dẫn, trong đó có 1 người là cán bộ cơ hữu của CSĐT hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với CSĐT theo quy định của pháp luật, với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 7 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 5 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 3 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 1 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh. Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 3 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus mỗi năm, liên tục trong 3 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh, cơ sở đào tạo có thể xem xét tăng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn và báo cáo ĐHQG-HCM, nhưng tối đa không quá 50% số nghiên cứu sinh đang hướng dẫn;

c) Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị đề cương nghiên cứu trong quá trình đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ và tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu nếu nghiên cứu sinh trúng tuyển;

d) Hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn và bảo vệ luận án nếu luận án đã đáp ứng những quy định của Quy chế này và của cơ sở đào tạo.

## **Chương II**

### **TUYỂN SINH**

#### **Điều 5. Phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian, địa điểm tuyển sinh**

1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển
2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ theo Đề án 89 được tính chung trong chỉ tiêu đào tạo trình độ tiến sĩ hàng năm của Nhà Trường và Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh ĐHQG-HCM phê duyệt, Nhà trường phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành và công bố trong đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ hàng năm.

### 3. Thời gian tuyển sinh

Mỗi năm tổ chức tuyển sinh 2 đợt chính: đợt 1 vào tháng 5; đợt 2 vào tháng 10. Ngoài ra, thời gian tuyển sinh sẽ được tổ chức thêm các đợt khác trong năm nhằm phù hợp theo kế hoạch tuyển chọn và cử giảng viên đi học tiến sĩ theo Đề án 89 hàng năm.

4. Địa điểm tổ chức tuyển sinh: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

### **Điều 6. Đối tượng và điều kiện dự tuyển trình độ tiến sĩ**

#### 1. Đối tượng tuyển sinh

- Là giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn của cơ sở giáo dục đại học trong nước (không bao gồm những cơ sở giáo dục đại học tư thục có vốn đầu tư nước ngoài);
- Là công dân Việt Nam tuổi không quá 40 tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển.
- Tham gia dự tuyển trình độ tiến sĩ lần đầu tiên.

#### 2. Điều kiện dự tuyển

##### a) Về văn bằng tốt nghiệp

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;
- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ;
- Đối với người dự tuyển là người Việt Nam tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ tại các Cơ sở đào tạo (CSĐT) nước ngoài thì văn bằng và bảng điểm do CSĐT nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng khi nộp hồ sơ dự tuyển.

b) Về trình độ ngoại ngữ: Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ như quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này.

c) Có 01 bài luận báo cáo về kinh nghiệm chuyên môn; kế hoạch học tập và giới thiệu khái quát đề tài nghiên cứu hay định hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

d) Về nghiên cứu khoa học: Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các CSĐT, tổ chức khoa học và công nghệ.

e) Về giảng viên hướng dẫn: Có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người hướng dẫn là giảng viên cơ hữu của ĐHQG-HCM. Tiêu chuẩn về người hướng dẫn nghiên cứu sinh thỏa điều kiện qui định tại Điều 4 của Quy định này.

f) Có hai thư giới thiệu của hai giảng viên hoặc nghiên cứu viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ.

g) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

h) Có đủ sức khỏe để học tập.

i) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

**Điều 7. Danh mục ngành xét tuyển** (Phụ lục 2)**Điều 8. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

- Đơn đăng ký xét tuyển có dán ảnh
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của địa phương nơi cư trú (*còn thời hạn 6 tháng*)
- Lý lịch khoa học, *liệt kê đầy đủ danh mục các công trình khoa học*
- 01 bản sao bằng TNĐH và bảng điểm TNĐH (*có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng*)
- 01 bản sao bằng thạc sĩ và bảng điểm thạc sĩ (*có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng*)
- 01 tấm ảnh 3\*4
- Giấy khám sức khỏe (*tại phòng khám đa khoa quận, huyện còn thời hạn 12 tháng*)
- Giấy giới thiệu dự tuyển của cơ quan cử đi học
- Thư giới thiệu của 02 Giảng viên
- Giấy đồng ý hướng dẫn nghiên cứu sinh
- 01 bản sao văn bằng ngoại ngữ (*có sao y, còn trong thời hạn 12 tháng*) hay 01 bản sao chứng chỉ ngoại ngữ (*không sao y*)
- 05 quyển bài luận phỏng vấn (*có đóng kèm bảo sao các bài báo khóa học*)

**Điều 9. Tổ chức tuyển sinh và quy trình xét tuyển**

a) Tổ chức tuyển sinh: thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định số 1052/QĐ-KHTN, ngày 08/7/2022 của Hiệu trưởng, Trường ĐH KHTN

b) Quy trình xét tuyển: thực hiện theo quy trình xét tuyển số 762/QT- TSSĐH, ngày 26/7/2022 của Hiệu trưởng, Trường ĐH KHTN

**Điều 10. Điều kiện trúng tuyển trình độ tiến sĩ**

Ứng viên trúng tuyển trình độ tiến sĩ phải thỏa các yêu cầu sau:

- Đạt yêu cầu về điều kiện và đối tượng dự tuyển như qui định tại Điều 6 của Quy định này;
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ như qui định tại Phụ lục 1 của Quy định này;
- Điểm phỏng vấn chuyên môn đạt từ 7.0 điểm (bảy điểm) trở lên (thang điểm 10);
- Căn cứ chỉ tiêu xét tuyển từng ngành, Hội đồng tuyển sinh chọn danh sách ứng viên trúng tuyển theo điểm phỏng vấn từ cao xuống đến hết chỉ tiêu.

**Điều 11. Công nhận trúng tuyển**

1. Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) duyệt danh sách trúng tuyển theo quy định tại Điều 9 của Quy định này. Chủ tịch HĐTS báo cáo Hiệu trưởng kết quả danh sách đề nghị trúng tuyển.

2. Căn cứ kết quả báo cáo danh sách đề nghị trúng tuyển của Chủ tịch HĐTS, Hiệu trưởng phê duyệt quyết định công nhận ứng viên trúng tuyển trình độ tiến sĩ.

### Chương III

## TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

#### **Điều 12. Hình thức và ngôn ngữ đào tạo**

1. Hình thức đào tạo: chính quy tập trung toàn thời gian.
2. Ngôn ngữ dùng trong đào tạo trình độ tiến sĩ là tiếng Việt. Các ngành đăng ký đào tạo bằng tiếng Anh hoặc Nghiên cứu sinh có nguyện vọng viết luận án bằng tiếng Anh phải được Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.

#### **Điều 13. Thời gian đào tạo:**

1. Thời gian đào tạo chính quy trình độ tiến sĩ (kể từ khi có thông báo nhập học)
  - a) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học: 04 năm học
  - b) Đối với người có bằng thạc sĩ: 03 năm học
2. Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 16 của Quy định này.

Thời gian nghiên cứu sinh được điều động vào lực lượng vũ trang và nghỉ hộ sản theo qui định Nhà nước không tính trong thời gian đào tạo chính quy.

#### **Điều 14. Yêu cầu và cấu trúc chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ tiến sĩ nhằm giúp Nghiên cứu sinh (NCS) hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản; Hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết.

Nội dung chương trình giúp hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn

3. Khối lượng kiến thức chương trình đào tạo:

- a) Tối thiểu 95 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ
- b) Tối thiểu 125 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

Mỗi ngành đào tạo sẽ ban hành khung chương trình và qui định khối lượng kiến thức chương trình đào tạo riêng.

4. Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

4.1. Các học phần bổ sung:

NCS chưa có bằng thạc sĩ: NCS phải học tối thiểu 30 tín chỉ ở học phần thuộc trình độ thạc sĩ của ngành tương ứng với ngành học ở trình độ tiến sĩ.



4.2. Các học phần tiến sĩ: Mỗi NCS phải học tối thiểu 15 tín chỉ ở học phần tiến sĩ, bao gồm các môn học bắt buộc và môn học tự chọn như sau:

4.2.1. Môn học bắt buộc:

a) Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ): yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ (6 tín chỉ): Mỗi NCS hoàn thành 02 chuyên đề tiến sĩ (mỗi chuyên đề 3 tín chỉ). Chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

4.2.2. Môn học tự chọn: Mỗi NCS hoàn thành tối thiểu 6 tín chỉ tự chọn ở học phần tiến sĩ theo khung chương trình môn học của ngành đào tạo đã được ban hành.

4.3. Nghiên cứu khoa học: là nhiệm vụ bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ.

Nội dung, hướng nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. NCS phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Các công trình khoa học công bố của NCS được tính kể từ sau khi có quyết định trúng tuyển NCS hoặc trong thời gian học dự bị tiến sĩ còn thời hạn 2 năm đến ngày trúng tuyển NCS.

4.3. Luận án tiến sĩ (tối thiểu 80 tín chỉ): là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

5. Cập nhật, hiệu chỉnh chương trình đào tạo:

a) Chương trình đào tạo không thay đổi đối với một khóa tuyển sinh. Việc sửa đổi chương trình đào tạo chỉ được áp dụng với khóa tuyển sinh mới.

b) Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ ít nhất 2 năm một lần.

### **Điều 15. Tổ chức giảng dạy và quản lý hoạt động đào tạo**

1. Các môn học ở học phần bổ sung: là học phần gồm các môn học thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ cùng khóa dành cho các đối tượng là NCS chưa có bằng thạc sĩ;

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành học phần này trong 18 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

Nghiên cứu sinh sẽ đăng ký học các môn học ở học phần bổ sung theo lịch học của chương trình thạc sĩ cùng khóa. Việc đánh giá kết quả môn học như qui định đánh giá môn học của chương trình thạc sĩ hiện hành.

Điểm môn học đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung môn học  $\geq 5.5$  điểm

2. Các môn học ở học phần tiến sĩ:

2.1. Tiểu luận tổng quan: trong 6 tháng đầu của năm thứ 1 NCS phải hoàn thành tiểu luận tổng quan. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan sẽ kết hợp với việc xét duyệt đề cương nghiên cứu luận án tiến sĩ của NCS, do đó trong phần trình bày tiểu luận tổng quan NCS cần báo cáo 02 nội dung như sau:



*Tiểu luận tổng quan:* báo cáo về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án: NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, từ đó rút ra mục đích, những vấn đề tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

*Đề cương nghiên cứu luận án:* NCS cần khẳng định tên đề tài nghiên cứu, mục tiêu, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, tính khả thi của đề tài và dự kiến kết quả đạt được.

a) Nghiên cứu sinh thực hiện bài báo cáo “Tiểu luận tổng quan” và “Đề cương nghiên cứu luận án” theo hình thức tự học dưới sự hướng dẫn của tập thể cán bộ hướng dẫn.

b) Việc đánh giá “Tiểu luận tổng quan” được thực hiện bằng cách chấm điểm bài báo cáo của nghiên cứu sinh trước tiểu ban chuyên môn. Tiểu ban chuyên môn gồm ba (03) thành viên có học vị từ tiến sĩ trở lên và hiểu biết sâu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Đại diện tập thể cán bộ hướng dẫn có thể tham gia tiểu ban với vai trò là ủy viên.

Điểm đánh giá “Tiểu luận tổng quan” đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung của các thành viên tiểu ban  $\geq 7.0$  điểm.

Tiểu luận tổng quan được báo cáo lại 1 lần và phải sau lần thứ nhất tối thiểu 30 ngày làm việc.

Sau 2 lần báo cáo nếu “Tiểu luận tổng quan” vẫn chưa đạt yêu cầu, Cán bộ hướng dẫn cần có báo cáo tình hình và khả năng học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh trước khi Nhà trường xem xét cho nghiên cứu sinh báo cáo lần 3.

c) Việc đánh giá “Đề cương nghiên cứu luận án” do tiểu ban chuyên môn nhận xét, đánh giá mức độ khả thi và đáp ứng yêu cầu đối với chất lượng luận án tiến sĩ. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm xác định tên đề tài phù hợp với ngành đào tạo.

“Đề cương nghiên cứu luận án” đạt yêu cầu khi được tất cả thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá “thông qua”.

NCS được báo cáo lại lần 2 trên cơ sở góp ý của Tiểu ban chuyên môn lần 1. Thời gian báo cáo lần 2 phải sau lần thứ 1 tối thiểu 30 ngày làm việc.

Mỗi NCS chỉ được báo cáo đề cương nghiên cứu tối đa 3 lần. Sau 3 lần báo cáo vẫn chưa được Tiểu ban chuyên môn thông qua, CBHD phải có văn bản nhận xét đánh giá khả năng nghiên cứu của NCS để Nhà trường xem xét việc tiếp tục học tập của NCS.

## 2.2. Chuyên đề tiến sĩ:

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành tối thiểu 2 chuyên đề tiến sĩ trước khi đăng ký bảo vệ luận án, mỗi chuyên đề 3 tín chỉ. Các chuyên đề phải có nội dung khác nhau và là những kiến thức liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án

a) Chậm nhất là vào đầu năm học thứ 2, Cán bộ hướng dẫn sẽ gửi phiếu đăng ký chuyên đề tiến sĩ cho NCS (*tên chuyên đề, tóm tắt nội dung chuyên đề*) với Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo.

b) Nghiên cứu sinh thực hiện chuyên đề tiến sĩ theo hình thức tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của Cán bộ hướng dẫn (dưới đây được viết tắt là CBHD).

c) Sau khi hoàn tất chuyên đề, được sự đồng ý của CBHD, nghiên cứu sinh sẽ nộp báo cáo chuyên đề cho Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành để được báo cáo kết quả.

d) Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo sẽ đề xuất Tiểu ban chuyên môn gồm ba (03) thành viên có học vị từ tiến sĩ trở lên và hiểu biết sâu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Đại diện tập thể cán bộ hướng dẫn có thể tham gia tiểu ban với vai trò là ủy viên.

e) Việc đánh giá các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày chuyên đề của nghiên cứu sinh trước tiểu ban chuyên môn.

Chuyên đề tiến sĩ đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung của các thành viên tiểu ban đạt từ **7.0** trở lên.

Nếu kết quả báo cáo chuyên đề không đạt ( $< 7.0$  điểm) thì nghiên cứu sinh được làm lại chuyên đề theo ý kiến đóng góp của tiểu ban chuyên môn. Thời gian báo cáo lần 2 chuyên đề tiến sĩ sau lần thứ nhất *tối thiểu 30 ngày làm việc*, kể từ khi họp đánh giá lần đầu. Sau 2 lần báo cáo vẫn không đạt, CBHD cần báo cáo khả năng học tập, nghiên cứu của Nghiên cứu sinh trước khi Nhà trường xem xét báo cáo lần 3 cho nghiên cứu sinh.

2.3. Các môn học tự chọn ở học phần tiến sĩ: là những học phần liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành đào tạo.

Mỗi NCS phải hoàn thành tối thiểu 06 tín chỉ thuộc các môn trong khung học phần tiến sĩ của ngành đào tạo.

Đơn vị phụ trách ngành đào tạo xây dựng khung chương trình học phần ở trình độ tiến sĩ. Mỗi môn học được thiết kế với thời lượng tối thiểu 2 tín chỉ.

*Việc tổ chức giảng dạy và đánh giá học phần tiến sĩ thực hiện như sau:*

2 khóa/1 lần, Đơn vị phụ trách ngành sẽ mở các môn học tự chọn ở học phần tiến sĩ theo khung chương trình đã được Hiệu trưởng phê duyệt (tất cả NCS cùng khóa học chung môn học phần tiến sĩ). Nếu 1 khóa tuyển sinh có số NCS của ngành đào tạo  $\geq 3$  thì có thể mở môn học ngay năm đầu tiên mà không cần ghép 2 khóa học chung.

Giảng viên chỉ lên lớp giảng dạy 50% thời lượng qui định của môn học, đồng thời hướng dẫn tài liệu để NCS tự nghiên cứu và hoàn thành môn học theo đúng thời lượng và nội dung học phần đã qui định,

Giảng viên phụ trách học phần sẽ qui định hình thức đánh giá học phần theo hình thức: vấn đáp, seminar hoặc thi viết. Điểm đánh giá là thang điểm 10 lấy lẻ đến 0,5.

Đối với hình thức thi viết: việc tổ chức thi sẽ do phòng Đào tạo Sau đại học đảm trách và tổ chức cùng với đợt thi kết thúc học phần chung của Trường.

Đối với hình thức thi vấn đáp hay báo cáo seminar: do giảng viên sắp xếp lịch báo cáo và thông báo cho Phòng Đào tạo Sau đại học được biết.

Điểm học phần được đánh giá đạt, khi kết quả thi đạt từ **5.5 trở lên** và NCS phải đảm bảo thực hiện thời lượng học đúng qui định của giảng viên phụ trách môn học. NCS có kết quả học phần tiến sĩ không đạt thì phải đăng ký học lại cùng khóa sau và phải tự túc chi phí học lại theo mức thu hiện hành.

### 3. Nghiên cứu khoa học và luận án:

#### 3.1. Nghiên cứu khoa học:

a) Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, NCS phải có ít nhất 02 bài báo khoa học (NCS là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc (*corresponding author*); có ghi tên trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM) công bố kết quả thực hiện đề tài luận án trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị khoa học thuộc danh mục quy định tại mục d, khoản 3.1, Điều 15 Quy định này;

*NCS thuộc các ngành Toán học thì có thể không đứng tên đầu trong nhóm tác giả nhưng phải được tập thể tác giả xác nhận NCS là tác giả chính.*

b) Các bài báo khoa học của NCS phải được tập thể cán bộ hướng dẫn thông qua và chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài.

c) Bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án trong thời gian học dự bị tiến sĩ và còn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày đăng ký học dự bị tiến sĩ đến khi trúng tuyển NCS chính thức, được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức.

d) Tiêu chuẩn danh mục bài báo khoa học của NCS như sau:

- Trước khi đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn, NCS đã công bố tối thiểu 02 bài báo về nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế uy tín, có phản biện, xuất bản bằng tiếng nước ngoài hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài uy tín, có phản biện.

- Quy cách viết tên trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM trong công bố khoa học của NCS: xem chi tiết trong văn bản hướng dẫn việc thực hiện quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ áp dụng từng khóa tuyển sinh.

e) Đặc cách bỏ qua quy trình phản biện độc lập:

NCS là tác giả chính của tối thiểu 03 bài báo trên các tạp chí WoS/Scopus với tổng chỉ số IF từ 3.0 trở lên và kết quả công bố phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án, được đặc cách bỏ qua quy trình phản biện độc lập. Hội đồng chấm luận án cấp đơn vị chuyên môn sẽ thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án.

### 3.2. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

#### **Điều 16. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. NCS được đề nghị **thay đổi** tên đề tài luận án vào các thời điểm như sau:

a) Khi báo cáo tiểu luận tổng quan NCS được đề nghị thay đổi tên đề tài luận án và phải được tiểu ban chuyên môn thông qua;

b) Chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định nhập học (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có) và chỉ được chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng. Tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu của đề tài mới phải được Tiểu ban chuyên môn thông qua.

2. **Việc điều chỉnh tên đề tài luận án:**

a) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án được thực hiện trước khi đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn 3 tháng: căn cứ theo đơn đề nghị của NCS, ý kiến của người hướng

dẫn và đề xuất của Trưởng đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án chính thức.

b) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án được thực hiện theo góp ý của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, căn cứ trên kết luận của Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn, Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án chính thức.

c) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án theo góp ý của phản biện kín: (1) NCS và người hướng dẫn được đề nghị bảo lưu ý kiến và không điều chỉnh tên đề tài. (2) NCS và tập thể CBHD đồng ý điều chỉnh tên đề tài theo ý kiến của phản biện kín, tuy nhiên việc điều chỉnh này sẽ được xem xét sau khi có ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

d) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án theo đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, căn cứ trên kết luận của Hội đồng cấp cơ sở đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án chính thức.

3. *Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn* được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định nhập học (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

4. *Việc chuyển cơ sở đào tạo* được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định nhập học và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tổ chức kiểm tra kiến thức, năng lực nghiên cứu, năng lực ngoại ngữ của NCS.

Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo và NCS có thể đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo chuyển đến, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có).

Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

5. *Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:*

a) NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua trong thời gian học chính qui theo quyết định công nhận NCS. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày luận án được Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua, Nhà trường phải tổ chức đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

b) Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn 2 tháng, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian gia hạn, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại) thì Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này. Thời gian hoàn thành chương trình học tập tối thiểu là 24 tháng.

## Chương IV

### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

#### Điều 17. Nghiên cứu sinh

1. Nghiên cứu sinh có các quyền sau:

a) Được cấp kinh phí hỗ trợ của Đề án theo thời hạn phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ tại cơ sở đào tạo;

b) Được cơ sở cử đi tạo điều kiện, bố trí thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo và tiếp nhận trở lại làm việc sau khi tốt nghiệp;

c) Được nhận thêm hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình học tập, nghiên cứu trong trường hợp khoản hỗ trợ tài chính này không phải là học bổng toàn phần, đồng thời không có mâu thuẫn giữa quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ kinh phí của Đề án với quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ tài chính theo quy định của các tổ chức, cá nhân này;

d) Được hưởng các quyền của công dân Việt Nam khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài theo quy định hiện hành.

2. Nghiên cứu sinh có các trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ quy định và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu; báo cáo cơ sở cử đi tiến độ, kết quả học tập và nghiên cứu định kỳ 06 tháng hoặc khi kết thúc kỳ học, năm học trong thời gian đào tạo và khi tốt nghiệp chương trình đào tạo;

b) Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn và được cấp bằng tiến sĩ theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, NCS phải có ít nhất 02 bài báo khoa học (*NCS là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc (corresponding author)*); có ghi tên trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM). Công bố kết quả thực hiện đề tài luận án trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị khoa học thuộc danh mục quy định tại điểm d, khoản 3.1, Điều 15 quy định này; các bài báo khoa học này phải được tập thể cán bộ hướng dẫn thông qua và chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài. Bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án trong thời gian học dự bị tiến sĩ được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức.

d) Vào giữa tháng 10 hàng năm, nghiên cứu sinh phải nộp đề cương học tập năm học mới cho đơn vị chuyên môn, bao gồm: báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu; kế hoạch học tập, nghiên cứu trong năm học mới để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá;

e) Tự bảo đảm tài chính để tiếp tục học tập, nghiên cứu và hoàn thành chương trình đào tạo trong trường hợp NCS gia hạn thời gian học tập sau khi hết hạn học tập theo thời gian chính qui của Đề án 89;

g) Thực hiện trách nhiệm của người học theo pháp luật của nước sở tại và theo quy định hiện hành đối với công dân Việt Nam khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài;

h) Quay trở về cơ sở cử đi học ngay sau khi tốt nghiệp và làm việc trong thời gian tối thiểu gấp 3 lần thời gian được hưởng chi phí đào tạo đối với người học không phải là công chức, viên chức (*theo Điều 4, Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013*); Đối với người học là công chức, viên chức quay trở lại làm việc trong thời gian tối thiểu

gấp 2 lần thời gian được hưởng chi phí đào tạo (theo Điều 6, Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017) và các quy định hiện hành khác của Cơ sở cử đi học;

i) Thực hiện bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đã nhận từ Đề án 89 trong thời gian học tập, nghiên cứu theo quy định tại Nghị định 143 đối với người học không phải là công chức, viên chức và theo quy định tại Nghị định 101 đối với người học là công chức, viên chức và các quy định hiện hành khác có liên quan trong trường hợp vi phạm những quy định tại Điều 3 của Nghị định 143, Điều 7 của Nghị định 101 và không thực hiện đầy đủ những trách nhiệm khác của người học quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo**

1. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa hoặc cấp trường đương xác định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ, hướng nghiên cứu, ...;

Phối hợp với Phòng Đào tạo Sau đại học tiến hành các thủ tục xét duyệt khung chương trình đào tạo trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh;

3. Xem xét và đề cử thành viên tiểu ban chuyên môn xét duyệt đề tài luận án, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh;

4. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, đề nghị nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh tham gia giảng dạy, tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập;

5. Quy định lịch báo cáo định kỳ ít nhất hai lần một năm đề nghị nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu; trao đổi với tập thể cán bộ hướng dẫn để nắm tình hình học tập, tiến độ nghiên cứu, kết quả đào tạo và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập và nghiên cứu đối với từng nghiên cứu sinh;

6. Phối hợp với Phòng Đào tạo Sau đại học tiến hành các thủ tục xét duyệt điều chỉnh đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt;

7. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu;

8. Định kỳ vào tháng 11 hàng năm báo cáo về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

9. Phối hợp với Phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp đơn vị chuyên môn, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo trên cơ sở đánh giá của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và phản biện độc lập.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Hiệu trưởng.

#### **Điều 19. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo Sau đại học**

1. Phòng Đào tạo Sau đại học thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 15 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành theo Quyết chế 166;

2. Cung cấp thông tin cho cơ sở cử đi học về kết quả học tập và tiến độ học tập của người học khi có yêu cầu;
3. Thông báo cho cơ sở cử đi học khi người học vi phạm hoặc không tuân thủ quy định của CSĐT;
4. Từ chối tiếp nhận, xử lý vi phạm hoặc cho thôi học khi người học không đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn hoặc không tuân thủ quy định của CSĐT;
5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Hiệu trưởng.

#### **Chương IV**

### **LUẬN ÁN, TÓM TẮT LUẬN ÁN VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

Hình thức trình bày luận án, tóm tắt luận án và quy trình bảo vệ luận án tiến sĩ được thực hiện theo theo Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 của ĐHQG-HCM; Quy định số 2547/QĐ-KHTN, ngày 27/12/2019 của trường ĐH KHTN.

#### **Chương V**

### **THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

#### **Điều 20. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện theo Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 và Điều 29 của Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 do ĐHQG-HCM ban hành.

#### **Điều 21. Cấp bằng tiến sĩ**

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:
  - a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua đủ 90 ngày;
  - b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở đào tạo và được người hướng dẫn, chủ tịch Hội đồng và Hiệu trưởng xác nhận (nếu có);
  - c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo thì kết quả thẩm định phải được ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận đạt yêu cầu; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của ĐHQG-HCM và Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 27 của Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 do ĐHQG-HCM ban hành;
  - d) Đã nộp lưu quyền luận án, tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng trường ĐH KHTN (cả bản in và file pdf) cho Thư viện Trường ĐH KHTN; Thư viện ĐHQG-HCM và Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. NCS đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 21 Quy định này, Trường ĐH KHTN sẽ báo cáo ĐHQG-HCM hồ sơ xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh để đăng ký phôi văn bằng tiến sĩ.

3. Sau khi được ĐHQG-HCM phê duyệt phôi văn bằng tiến sĩ, Hiệu trưởng trường ĐHKHTN ban hành quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Trường ĐH KHTN công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng trên website: <https://sdh.hcmus.edu.vn/> và lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình học tập, hồ sơ cấp bằng của nghiên cứu sinh theo quy định hiện hành.

## Chương VI

### KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Việc khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong công tác đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 31, Điều 32 và Điều 33 của Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 do ĐHQG-HCM ban hành

## CHƯƠNG VII

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 22. Tổ chức thực hiện

Căn cứ tình hình thực tế, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này./

*Trần Lê Quan*

**HIỆU TRƯỞNG**



\*  
Trần Lê Quan



**Phụ lục I**  
**YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**  
**ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Đính kèm quy định số 1570/QĐ-KHTN, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)*

**1. Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào trình độ tiến sĩ:**

a) Chứng chỉ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển và đạt tối thiểu trình độ B2 theo CEFR, gồm các chứng chỉ sau:

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Điểm tối thiểu tương đương B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	46
2		IELTS	5.5
3		TOEIC (L-R) và TOEIC (S-W)	Nghe: 400; Đọc: 385 Nói: 160; Viết: 150
4		Cambridge Assessment English	B2 First B2 Business Vantage Linguaskill. Thang điểm : 160
5	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
6	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4)
7	Tiếng Trung	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Level 4
8	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N3
9	Tiếng Nga	ТРКИ- Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2
10	Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK Level 4

b) Chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển đạt tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam của các cơ sở đào tạo được Bộ GDĐT công nhận, cụ thể chỉ áp dụng chứng chỉ do các cơ sở đào tạo dưới đây cấp:

- Khu vực phía Bắc gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ (ĐHQG-HN), Đại học Thái Nguyên, Đại học Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Học viện An ninh Nhân dân; Học viện Báo chí Tuyên truyền.
- Khu vực miền Trung gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ (Đại học Huế), Đại học Ngoại ngữ (Đại học Đà Nẵng), Đại học Vinh, Đại học Quy Nhơn, Đại học Tây Nguyên.
- Khu vực phía Nam gồm các trường: Đại học Sư phạm TP.HCM, Đại học Cần Thơ, Đại học Sài Gòn, Đại học Ngân hàng TP.HCM, Đại học Trà Vinh, Đại học Văn Lang; Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM; Đại học Công Nghiệp TP.HCM; Trường ĐH KHXH&NV.

## **2. Văn bằng ngoại ngữ xét đầu vào trình độ tiến sĩ**

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

## Phụ lục II

## DANH MỤC CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ THEO ĐỀ ÁN 89

Tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Đính kèm quy định số 1770/QĐ-KHTN, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khoa học máy tính	9480101
2	Toán giải tích	9460102
3	Đại số và lí thuyết số	9460104
4	Toán ứng dụng	9460112
5	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103
6	Quang học	9440110
7	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	9440106
8	Hoá hữu cơ	9440114
9	Hoá lí thuyết và hoá lí	9440119
10	Hoá sinh học	9420116
11	Sinh lý học thực vật	9420112
12	Sinh lý học người và động vật	9420104
13	Vi sinh vật học	9420107
14	Công nghệ sinh học	9420201
15	Khoa học vật liệu	9440122

